

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 13-3-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Văn Cảnh.
- Các Thẩm phán:* Ông Lê Quốc Hương và bà Bùi Thị Ngọc.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2018/TLPT-DS, ngày 18-12-2018 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2018/DS-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ-PT, ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Bá H - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Trần Bá H1 - có mặt; Chị Trần Thị H - có mặt

Địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đào Thị L - có mặt.

3.2 Anh Trần Bá H2 - có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.3 Anh Trần Bá T - có mặt.

3.4 Chị Trần Thị T - có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đắk N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.5 Chị Trần Thị T1 - vắng mặt

Địa chỉ: Đội 03, thôn 02 xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Những người làm chứng:

4.1 Ông Nguyễn Hữu T- có mặt.

4.2 Ông Vũ Đình S - vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4.3 Chị Phạm Thị H - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đắk N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Trần Bá H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-10-2015 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Bá H trình bày:

Năm 1995, ông cùng với con trai Trần Bá T vào xã T, huyện Đ (nay là thôn 6, xã N, huyện Đ), tỉnh Đắk Nông lập nghiệp, hai bố con ông khai phá diện tích đất rừng được hơn 09ha, sau đó ông đón các con vào sinh sống nhưng vợ chồng anh H1 không đi. Ông đã giao lại toàn bộ tài sản tại thôn C, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cho anh H1. Năm 1999, ông đón vợ chồng anh H1 vào làm kinh tế. Ông đã giao cho vợ chồng anh H1 khoảng 03ha để anh H1 canh tác, sử dụng. Năm 2003, gia đình ông hợp phân chia tài sản theo đó anh H1 nếu ở trong Nam thì phải trả lại 1.900m² đất ở ngoài Bắc, ông cho anh H1 mượn 03 ha giáp đất anh Đ, trên đất đã trồng cà phê khoảng 400 cây (việc hợp phân chia tài sản chỉ nói bằng miệng, không lập văn bản), sau đó 03 năm anh H1 về quê giành đất với chị gái.

Năm 2013, ông H đòi lại đất rẫy cho anh H1 mượn vì anh H1 đã lấy đất ở ngoài Thái Nguyên. Diện tích ông H yêu cầu vợ chồng anh H1 trả lại là 22.341m², đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông N, ông D dài 101,3m; phía Tây giáp đường đất cạnh dài 69,8m; phía Bắc giáp đất ông H đang sử dụng và đất ông X dài 180,2m; phía Nam giáp đất anh Đ dài 158,8m tại xóm 4, thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn anh Trần Bá H1 trình bày: Cuối năm 1999, anh chị bán toàn bộ tài sản ngoài quê rồi vào nay là thôn 6, xã N, huyện Đ sinh sống. Năm 2000, anh H1 nhận chuyển nhượng của anh trai Trần Bá T khoảng hơn 3000-4000m² đất đã dọn sạch trồng hoa màu, phía trên là rừng ốt với giá 2.000.000đ và 1,5 chỉ vàng, hai bên có lập giấy tờ mua bán, có những người làm chứng là anh S. Anh T nói chỉ lấy tiền công phát dọn bãi còn phía trên tự phát dọn. Sau đó vợ chồng anh H1 phát dọn lên phía trên đỉnh đồi thêm khoảng 02ha giáp với đất chuyển nhượng của anh T, anh chị đã tiến hành trồng cà phê, cây cối sử dụng cho đến năm 2013 thì mới xảy ra tranh chấp với ông H. Anh chị là người sử dụng đất từ trước cho đến nay và hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất là do đang tranh chấp với ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả lại đất thì anh không đồng ý.

Bị đơn chị Trần Thị H thống nhất với lời trình bày của chồng là anh Trần Bá H1, chị không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị L trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp đúng như lời trình bày của ông H (chồng bà L), bà nhất trí với ông H về việc yêu cầu vợ chồng anh H1 trả lại diện tích đất là 22,341m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Bá T trình bày: về diện tích hiện nay bố anh và em trai (H1) đang tranh chấp là của anh, năm 1997 anh cùng với ông H khai hoang và sau đó ông H chia cho anh khoảng 04 ha, ông H được gần 05ha. Đầu năm 2000, anh có chuyển nhượng cho em trai khoảng 3000-4000m² đất, giáp với đất của ông H. Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy giá tiền là 2.000.000đ và 1,5 chỉ vàng chủ yếu lấy tiền công phát dọn bãi phía dưới, còn phía trên đang là rừng ót, số còn lại vợ chồng H1 khai hoang lên phía trên đỉnh đồi. Nay ông H khởi kiện H1 trả lại đất là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Bá H2 trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ và anh T khai hoang, lúc đó anh còn nhỏ chỉ tham gia phát dọn lại để trồng hoa màu, nay bố mẹ và anh H1 tranh chấp thì anh không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T trình bày: về nguồn gốc đất tranh chấp đúng như bố chị trình bày, lúc đó chị còn nhỏ chỉ ở nhà trông con cho anh H1 đi làm, anh H1 mượn đất của bố mẹ để làm thì trên đất đã được phát dọn, đề nghị anh H1, chị H trả lại đất cho bố mẹ là ông H, bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T1 trình bày: Năm 2003, bố mẹ chị có gọi điện về nói về việc chia đất ở trong miền Nam làm 03 phần, 01 phần của anh T, 01 phần của em H2, còn 01 phần dưỡng già, riêng anh H1 đã có đất ở Thái Nguyên. Thực tế chị không chứng kiến việc chia đất. Năm 1996, chị có theo bố mẹ vào Nam, có đóng góp cải tạo đất tuy nhiên chị không có yêu cầu chia về quyền lợi, công sức đóng góp mà để bố mẹ quyết định.

Tại bản án số 24/2018/DS-ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13-6-2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá H về việc buộc anh Trần Bá H1, chị Trần Thị H phải trả cho ông diện tích 22.341m², đất dạng hình thang có tứ cận: phía Đông giáp đất ông N, ông D dài 101,3m; phía Tây giáp đường đất dài 69,8m; phía Bắc giáp đất ông H đang sử dụng và ông X dài

180,2m; phía Nam giáp đất anh Đ dài 158,8m, đất tọa lạc tại xóm 4, thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Bá H phải chịu 4.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản trên, khấu trừ 4.000.000đ ông H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08-11-2018, ông H kháng cáo toàn bộ bản án số 24/2018/DS-ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song với nội dung yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án, đề nghị giải quyết công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp là của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh H1, chị H trả lại đất cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bá H, giữ nguyên bản án số 24/2018/DS-ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Quá trình giải quyết nguyên đơn ông H cho rằng nguồn gốc đất là vào năm 1995 ông và con trai (T) vào xã N, huyện Đắk Song khai hoang diện tích đất rừng được hơn 09ha, sau đó ông chia cho T khoảng 04 ha sử dụng, diện tích còn lại là của ông sử dụng. Ông H đã bán một phần diện tích đất cho bà ở Sài Gòn và con gái của ông H (chị T). Năm 2003, ông H có họp gia đình để chia đất cho các con, riêng vợ chồng H1 vì được chia đất ở ngoài Thái Nguyên nên ông chỉ cho mượn đất để canh tác. Khi chia đất cho các con chỉ nói miệng và khi cho H1, H mượn đất cũng chỉ nói bằng miệng, không lập thành văn bản. Ông H cho rằng con trai ông là anh Trần Bá T không được đi học, không biết chữ, lập một giấy tờ giả đề hợp thức hóa mảnh đất 22.341m², ông Vũ Đình S không hề ký làm chứng giấy mua bán giữa T và vợ chồng H1, H. Tuy nhiên, lời khai của anh Trần Bá T thể hiện “*Nguồn gốc của diện tích đất mà hiện nay ông H đang tranh chấp với H1 là của tôi. Đầu năm 2000, tôi có chuyển nhượng cho em trai là Trần Bá H1 diện tích đất rẫy khoảng 03 đến 04 sào giáp với đất của bố tôi là*

ông H. Khi chuyển nhượng thì do tôi là người không viết được mà chỉ ký được nên bố tôi là ông H đã đọc cho anh H1 viết giấy chuyển nhượng bãi ngày 20-10-2000. Chữ ký trong giấy chuyển nhượng là chữ ký của tôi và có người làm chứng là anh S. Sau khi tôi chuyển nhượng cho H1 thì H1 khai phá thêm diện tích giáp với diện tích mà tôi chuyển nhượng” (BL 40). Lời khai của ông Vũ Đình S cũng xác định: “Tôi có chứng kiến việc anh T bán đất rẫy cho em trai là anh H1, H. Khi bán chỉ nhờ tôi sang ký hộ làm chứng còn diện tích cụ thể tôi không biết. Sau đó vợ chồng H1, H trồng cà phê làm phía trên đang còn rừng chưa phát dọn. Vợ chồng H1, H trồng thêm các cây cối khác, khai hoang và sử dụng cho đến nay” (BL 50a). Quá trình giải quyết phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất 22.341m² đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông N, ông D dài 101,3m; phía Tây giáp đường đất dài 69,8m; phía Bắc giáp đất ông H đang sử dụng và ông X dài 180,2m; phía Nam giáp đất anh Đ dài 158,8m, đất tọa lạc tại xóm 4, thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là của ông. Mặt khác, ông H cũng không chứng minh được diện tích trên là của ông cho vợ chồng H1, H mượn để canh tác. Do đó, ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 79 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết, ông H yêu cầu đưa người làm chứng anh Nguyễn Hữu T khai có thấy ông H và con trai Trần Bá T khai hoang phía bên đối diện đất của tôi, bố con ông H khai hoang được bao nhiêu tôi không biết. Diện tích đất mà H1, H đang sử dụng hiện nay ông H đang tranh chấp thì T khai hoang sử dụng còn phía trên là rừng tái sinh. Sau này H1 con ông H vào thì đã có đất rẫy rồi, còn cụ thể như thế nào tôi không nắm rõ. (BL115).

[3] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì bị đơn anh H1, chị H xác định diện tích đất tranh chấp là vợ chồng anh mua của anh trai Trần Bá T khoảng 03-04 sào sau đó anh khai hoang thêm lên phía trên. Xét thấy, bị đơn anh H1 đưa ra chứng cứ là vào năm 2000, anh có nhận chuyển nhượng của anh trai diện tích 3000-4000m² đất với giá 2.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng, không ghi tứ cận, diện tích, chiều dài các cạnh, khi viết giấy “sang nhượng bãi” có anh Vũ Đình S làm chứng, đã được anh T, anh S thừa nhận(thể hiện tại các bút lục 40, 50a, 133). Mặt khác, sau khi nhận chuyển nhượng anh H1, chị H trồng cà phê, tiêu, mít và các cây cối khác sử dụng liên tục từ cuối năm 1999, đầu năm 2000 cho đến thời điểm tranh chấp với ông H năm 2014. Như vậy, bị đơn có chứng cứ chứng minh sự việc chuyển nhượng đất giữa anh T với anh H1 tại vị trí đất tranh chấp và vợ chồng anh H1 cũng sử dụng đất ổn định, thường xuyên, sinh sống làm nhà trên đất từ đầu năm 2000 cho đến nay. Do đó, không có căn cứ chặn kháng cáo của ông H đối với anh H yêu cầu trả lại đất.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông H khởi kiện yêu cầu anh H1, chị H phải trả lại diện tích đất 22.341m² là không có căn cứ để chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Bá H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông H đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bá H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá H về việc buộc anh Trần Bá H1, chị Trần Thị H phải trả cho ông diện tích đất 22.341m², đất dạng hình thang có tứ cận: phía Đông giáp đất ông N, ông D dài 101,3m; phía Tây giáp đường đất dài 69,8m; phía Bắc giáp đất ông H đang sử dụng và ông X dài 180,2m; phía Nam giáp đất anh Đ dài 158,8m, đất tọa lạc tại xóm 4, thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Bá H phải chịu 4.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản trên, khấu trừ 4.000.000đ ông H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bá H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 0000741 ngày 23-3-2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Bá H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án đã nộp theo biên lai số 0004498 ngày 09-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh

